**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 1 | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | 4 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| 2 | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | ***100***  **100**  **100%** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được kiểu văn bản và đặc điểm nổi bật của của văn bản nghị luận.  - Nhận ra từ đa nghĩa, từ đồng âm.  **Thông hiểu:**  - Hiểu nghĩa của từ Hán Việt.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để xác định được chủ đề của đoạn văn.  - Hiểu được nội dung của một đoạn cụ thể.  - Xác định được các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ) trong đoạn văn.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được sự đồng tình, không đồng tình hoặc đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong đoạn văn.  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung đoạn văn. | | 4 TN | 4 TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn khoảng 10 – 12 câu nêu suy nghĩ của mình về 1 vấn đề | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết đoạn văn khoảng 10 – 12 câu nêu suy nghĩ của mình về 1 vấn đề lòng yêu nước. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | **20%** | **20%** | **20%** | **40%** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60%** | | | **40%** |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

[1] Thực ra, hoàn cảnh là một bức tranh không màu, nó đen tối hay tươi sáng là do chính bạn lựa chọn màu vẽ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!

[2] Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào miệng để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn. Con người có thể cho bạn sự trọng vọng hay khinh rẻ, bạn có thể lựa chọn đón nhận hay phớt lờ. Số phận ban cho cỏ dại sự chà đạp, xa lánh của con người, tuy nhiên, số phận cũng để cho cỏ dại lựa chọn nở hoa hay héo úa. Và bạn đã biết, cỏ dại lựa chọn điều gì. Rõ ràng, bạn luôn có quyền lựa chọn thái độ sống cho mình, chỉ là đôi khi, bạn lười biếng lựa chọn và để cho số phận kéo đi.

(*Đến cỏ dại còn đàng hoàng mà sống-* Phạm Sỹ Thanh, NXB Thế giới, 2019, Tr.46-47)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | C. Nghị luận |
| B. Miêu tả | D. Biểu cảm |

**Câu 2.** Văn bản trên có đặc điểm nào nổi bật nhất về kiểu văn bản**?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Có hình ảnh sinh động | C. Có từ ngữ giàu cảm xúc |
| B. Có lí lẽ thuyết phục | D. Có nhân vật cụ thể. |

**Câu 3.** Từ “**kéo**” trong câu **“**Rõ ràng, bạn luôn có quyền lựa chọn thái độ sống cho mình, chỉ là đôi khi, bạn lười biếng lựa chọn và để cho số phận **kéo** đi” đồng âm với từ “kéo” nào trong các trường hợp sau?

A. Học sinh đang chơi kéo co ngoài sân.

B. Cái kéo mẹ em mới mua sắc quá.

C. Ngoài đồng chú trâu đang kéo cày.

D. Mọi người kéo nhau đi xem phim.

**Câu 4.** Từ “miệng” là loại từ gì trong hai ví dụ sau:

- Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào ***miệng*** để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn.

- ***Miệng*** chai này bé xíu.

|  |  |
| --- | --- |
| A. Từ đồng âm | C. Từ đồng nghĩa |
| B. Từ trái nghĩa | D. Từ đa nghĩa |

**Câu 5**. Từ “trọng vọng” trong đoạn trích có nghĩa là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tôn trọng | C. Qúy mến |
| B. Khinh rẻ | D. Yêu thương. |

**Câu 6.** Xác định chủ đề của đoạn trích

|  |  |
| --- | --- |
| A. Quyền được vui chơi giải trí của con người. | C. Quyền được lựa chọn thái độ sống của mỗi người. |
| B. Quyền được yêu thương, chăm sóc của con người. | D. Quyền được bảo vệ thân thể, nhân phẩm của con người. |

**Câu 7.** Nội dung của đoạn “Thực ra, hoàn cảnh là một bức tranh không màu, nó đen tối hay tươi sáng là do chính bạn lựa chọn màu vẽ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!” là:

|  |
| --- |
| A. Cuộc sống của mỗi người luôn phụ thuộc vào người khác. |
| B. Mỗi người có quyền lựa chọn cuộc sống có ý nghĩa cho mình.  C. Cuộc sống của mỗi người cần có sự giúp đỡ vô điều kiện.  D. Cuộc sống của mỗi người là do số phận quyết định tất cả. |

**Câu 8.** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu sau: “Cuộc sống có thể cho bạn muối mặn, nhưng lựa chọn bỏ ngay vào miệng để nhận lấy sự đắng chát hay bỏ vào chén canh nhạt để có món canh thơm ngon là do bạn.”

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ẩn dụ | C. Nhân hóa |
| B. Hoán dụ | D. So sánh. |

**Câu 9.** Em có đồng ý với ý kiến “Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chúng ta luôn có nhiều hơn một sự lựa chọn!” không? Vì sao?

**Câu 10.** Em rút ra bài học gì cho bản thân từ phần trích trên?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh nêu được quan điểm riêng của bản thân: đồng ý/không đồng ý.  - Học sinh lí giải phù hợp  \* Đồng ý:  + Trong cuộc đời, có nhiều hoàn cảnh sống khác nhau, có người suy nghĩ tích cực, sống tốt thì cuộc sống trở nên tươi sáng.  \*Không đồng ý:  + Họ bắt buộc phải sống theo hoàn cảnh và số phận đó, họ không có sự lựa chọn nào khác. | 0,25  0,75 |
|  | **10** | Học sinh nêu được cụ thể bài học rút ra từ văn bản:  + Có thái độ sống tích cực, lạc quan.  + Cần có ý thức vươn lên trong cuộc sống, làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân. | 0,25 |
|  | *c. Kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.*  HS kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ của bản thân  - Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  - Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan.  - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lý, rõ ràng.  - Kết hợp kể và miêu tả, biểu cảm.  - Ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |